

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN S THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG S**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân S;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân S;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc các đương S đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân S thụ lý số 97/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY

S thỏa thuận của các đương S được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương S không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương S nào thay đổi ý kiến về S thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận S thỏa thuận của các đương S:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);

Địa chỉ: số 6 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phạm Thị Nhị – Giám đốc xử lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: bà Vương Ngọc Nhâm – Chuyên viên xử lý nợ. (Giấy uỷ quyền số 625-03/2022/UQ-TCB ngày 26/8/2022)

Bị đơn: Ông **Đỗ Quốc S**, S1 năm 1970;

Bà **Nguyễn Thị L**, S1 năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Đỗ Thị Thu T**, S1 năm 2005 (con ông S, bà L).

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội

- Ông **Đỗ Văn S1**, S1 năm 1972, bà **Cần Thị Ng**, S1 năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn Đầu Làng, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của: ông Đỗ Quốc S, bà Nguyễn Thị L, bà Cần Thị Ng là ông **Đỗ Văn S1**, S1 năm 1972; trú tại: Thôn Đầu Làng, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 31/10/2022 và Giấy ủy quyền ngày 11/11/2022).

2. S thỏa thuận của các đương S cụ thể như sau:

2.1. Ông Đỗ Quốc S và bà Nguyễn Thị L thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ Techcombank theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41311/HĐTD/TH-TN/TCB – HQV – NKT ngày 26/01/2011 và khế ước nhận nợ kể từ ngày 10/3/2023, tính đến ngày 09/3/2023 là:

Nợ gốc: 872.156.500 đồng,;

Nợ lãi trong hạn: 804.024.999 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 762.042.967 đồng.

Tổng nợ: 2.438.224.466 đồng;

Bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng.*

2.2. Ông Đỗ Quốc S và bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục trả lãi phát S1 theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41311/HĐTD/TH-TN/TCB – HQV – NKT ngày 26/01/2011 và khế ước nhận nợ kể từ ngày 10/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Nếu, ông S, bà L không trả được toàn bộ khoản nợ thì Techcombank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các quyền và lợi ích phát S1 từ thửa đất số 431, tờ bản đồ số 11, diện tích 163m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH815367, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.01649.QSDĐ/3311/QĐ-UB do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 31/12/2007 cho ông Đỗ Quốc S và bà Nguyễn Thị L.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông S, bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

2.4. Về án phí: Ông Đỗ Quốc S và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 40.382.000 đồng (*Bốn mươi triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) án phí Dân S sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam số tiền **49.397.000** đồng (*Bốn mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số: 0025575 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân S huyện T, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân S, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:

- THADS huyện T;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Các đương S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy